



BẢN TIN

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI & CẢNH BÁO SỚM



⇒ Malaysia ra quyết định dỡ bỏ thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Hàn Quốc và Việt Nam



⇒ Hoa Kỳ ban hành Kết luận cuối cùng trong cuộc rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 20 (POR 20) đối với cá tra - basa phi lê đông lạnh Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ



NỘI DUNG CHÍNH

TIN TRONG NƯỚC

- ♦ Hoa Kỳ ban hành Kết luận cuối cùng trong cuộc rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 20 (POR 20) đối với cá tra - basa phi lê đông lạnh Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ 3
- ♦ Malaysia ra quyết định dỡ bỏ thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Hàn Quốc và Việt Nam 5

TIN NƯỚC NGOÀI

- ♦ Phi-líp-pin áp thuế chống bán phá giá đối với tấm thạch cao nhập khẩu từ Thái Lan 7
- ♦ Thổ Nhĩ Kỳ áp thuế chống bán phá giá đối với ống hàn thép không gỉ nhập khẩu từ Trung Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) 8
- ♦ Ấn Độ áp thuế chống bán phá giá đối với bốn hóa chất nhập khẩu từ Trung Quốc 9
- ♦ Úc hoãn quyết định chống bán phá giá đối với thép thanh cốt bê tông từ Tây Ban Nha và Hàn Quốc 11
- ♦ Ảnh hưởng của các biện pháp chống bán phá giá tới thép cuộn cán nóng xuất khẩu của Trung Quốc 12

THÔNG TIN XUẤT NHẬP KHẨU

- ♦ Tình hình xuất khẩu mặt hàng thép mạ kẽm vào thị trường Úc 14

Hoa Kỳ ban hành Kết luận cuối cùng trong cuộc rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần thứ 20 (POR 20) đối với cá tra - basa phi lê đông lạnh Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 vừa qua, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã đăng công báo ban hành Kết luận cuối cùng cho đợt rà soát lần thứ 20 (POR 20) thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với mặt hàng cá tra - basa phi lê đông lạnh của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ trong giai đoạn từ 01 /8 /2022 đến 31 /7 /2023.

Trong đợt rà soát này, có 08 doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam có liên quan. DOC đã lựa chọn 02 doanh nghiệp làm bị đơn bắt buộc.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, DOC đã ban hành Kết luận sơ bộ cho đợt rà soát trên, theo đó xác định với mức thuế sơ bộ \$ 0,00/kg cho hai doanh nghiệp bị đơn bắt buộc. 06 doanh nghiệp còn lại đều đủ điều kiện được nhận mức thuế riêng rẽ ở mức \$ 0,00/kg. Do nguyên đơn đã rút yêu cầu rà soát lại mức thuế toàn quốc, nên mức này được giữ nguyên \$2,39/kg.

Tại Kết luận cuối cùng, DOC giữ nguyên Kết luận sơ bộ nêu trên và xác định mức thuế \$ 0,00/kg cho 01 doanh nghiệp bị đơn bắt buộc còn lại (01 doanh nghiệp bị đơn bắt buộc đã được dỡ bỏ Lệnh áp thuế và không

còn nằm trong danh sách rà soát thuế CBPG của DOC kể từ ngày 17/01/2025). 06 công ty hưởng thuế suất riêng rẽ còn lại tiếp tục được duy trì mức thuế cuối cùng \$ 0,00/kg - dựa trên mức thuế của công ty bị đơn bắt buộc.

Mức thuế suất toàn quốc của POR20 giữ nguyên ở mức 2,39 USD/kg do Yêu cầu rà soát duy nhất còn lại đối với mức thuế suất toàn quốc là từ Công ty Luscious Seafood LLC (Luscious Seafood) không hợp lệ. Trong Kết luận cuối cùng, DOC đã xác định rằng Luscious Seafood không phải là một nhà bán buôn tại Hoa Kỳ đối với sản phẩm tương tự trong nước trong giai đoạn rà soát và do đó, không có tư cách pháp lý để yêu cầu rà soát hành chính trong giai đoạn của quy trình này. Vì vậy, DOC quyết định hủy bỏ việc rà soát đối với mức thuế suất toàn quốc vì không còn bất kỳ yêu cầu rà soát hợp lệ nào đang chờ xử lý.

Các yêu cầu về tiền ký quỹ sau đây sẽ có hiệu lực kể từ ngày công bố Kết quả cuối cùng của đợt rà soát hành chính này:

1. Đối với các công ty được liệt kê ở trên, mức tiền ký quỹ sẽ bằng với biên độ phá giá được xác định trong Kết quả cuối cùng



của đợt rà soát này (trừ trường hợp mức này bằng 0 hoặc ở mức không đáng kể (*de minimis*), thì mức tiền ký quỹ sẽ là 0);

2. Đối với các nhà xuất khẩu Việt Nam và không phải Việt Nam đã từng được xem xét trước đây và không được liệt kê ở trên nhưng vẫn được nhận mức thuế riêng rẽ dựa trên một giai đoạn rà soát trước, mức tiền ký quỹ sẽ tiếp tục là mức ký quỹ hiện tại áp dụng riêng cho từng nhà xuất khẩu;
3. Đối với tất cả các nhà xuất khẩu Việt Nam của sản phẩm thuộc phạm vi điều tra chưa được xác định là đủ điều kiện hưởng mức thuế riêng rẽ, mức tiền ký quỹ sẽ là mức thuế suất toàn quốc (tức là 2,39 USD/kg).

Các yêu cầu ký quỹ này, khi được áp dụng, sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có thông báo mới.

Kết luận cuối cùng của POR20 là kết quả tích cực cho các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra-basa của Việt Nam đặc biệt khi cá tra-basa là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, với kim ngạch xuất khẩu lên tới 2 tỷ USD, đóng góp 20% vào tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng là một trong những thị trường tiêu thụ cá tra trọng điểm của Việt Nam nên kết quả của đợt rà soát có tác động lớn đến toàn ngành.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ:

Phòng Xử lý phòng vệ thương mại nước ngoài, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương, 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chuyên viên phụ trách: Nguyễn Việt Hà,

Điện thoại: 024.7303.7898 (máy lẻ 107),

Email: hanv@moit.gov.vn; nganha@moit.gov.vn.

Malaysia ra quyết định dỡ bỏ thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Hàn Quốc và Việt Nam

Ngày 21 tháng 06 năm 2025 vừa qua, Bộ Đầu tư, Thương mại và Công nghiệp Malaysia (MITI) đã ban hành Kết luận cuối cùng trong vụ việc rà soát cuối kỳ lệnh áp thuế chống bán phá giá (CBPG) đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có chiều rộng trên 1.300mm có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam. Theo đó, MITI đã quyết định dỡ bỏ thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có xuất xứ hoặc nhập khẩu từ Hàn Quốc và Việt Nam. Cụ thể như sau:

1. Thông tin vụ việc

- Sản phẩm thuộc lệnh áp thuế CBPG: thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có chiều rộng trên 1.300mm (cold rolled coils of iron or non-alloy steel) được phân loại theo mã HS (AHTN): 7209.15.00 00, 7209.16.90 00, 7209.17.90 00 và 7209.18.99 00.

- Trước đó, tháng 3 năm 2019, MITI đã tiến hành điều tra CBPG với sản phẩm nêu trên theo đề nghị của Nguyên đơn là Công

ty Mycron Steel CRC SDN Bhd của Malaysia.

- Ngày 26/12/2019, MITI đã ban hành kết luận cuối cùng khẳng định có bán phá giá, theo đó biên độ bán phá giá đối với thép nhập khẩu từ Việt Nam ở mức từ 7,70% đến 20,13%. Mức thuế đối với các nước khác cùng bị điều tra như sau: Trung Quốc ở mức 4,82% - 26,38%, Nhật Bản ở mức 26,39 % và Hàn Quốc ở mức 0% - 3,84%. Lệnh áp thuế loại trừ cho sản phẩm thép lá đen dùng để tráng thiếc (TMBP) và các sản phẩm sử dụng cho ô tô để làm tấm biến áp.

Thời gian áp dụng biện pháp CBPG nêu trên là 5 năm kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2019 đến hết ngày 24 tháng 12 năm 2024.

- Ngày 25 tháng 12 năm 2024, sau khi hết thời hạn áp thuế 05 năm nêu trên, MITI đã khởi xướng rà soát cuối kỳ thuế CBPG với thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có chiều rộng trên 1.300mm.

2. Kết luận cuối cùng

Ngày 21 tháng 6 năm 2025, MITI đã công bố Kết luận cuối cùng về việc rà soát cuối kỳ nêu trên với quyết định chấm dứt lệnh áp thuế CBPG với cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có chiều rộng trên 1.300mm



từ Việt Nam và Hàn Quốc. Trên cơ sở xem xét khả năng tái diễn hành vi bán phá giá, thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước và lợi ích cộng đồng, MITI đã kết luận việc tiếp tục áp dụng thuế CBPG không phù hợp với lợi ích cộng đồng.

Quyết định có hiệu lực chính thức kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2025.

Trong khi đó, MITI vẫn tiếp tục duy trì lệnh áp thuế đối với sản phẩm nêu trên từ Trung Quốc và Nhật Bản trong 05 năm nữa kể từ ngày 23 tháng 06 năm 2025 đến ngày 22 tháng 06 năm 2030 với mức thuế từ 4,76% đến 26,38% đối với Trung Quốc và mức 26,39% đối với Nhật Bản.

Đây là một kết quả tích cực đối với các doanh nghiệp ngành thép Việt Nam để tiếp tục duy trì việc xuất khẩu sang Malaysia. Kết luận của MITI cũng cho thấy cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam được dỡ bỏ lệnh áp thuế từ một cuộc rà soát hoàng hôn sau 05 năm áp thuế. Điều này khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đang chịu thuế ở các thị trường khác chủ động tham gia rà soát cuối kỳ trong tương lai, nhằm gỡ bỏ biện pháp PVTM. Việc chấm dứt lệnh áp thuế CBPG cũng giúp tạo lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ vẫn đang chịu thuế của Trung Quốc và Nhật Bản.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ: Phòng Xử lý PVTM nước ngoài, Cục PVTM, Bộ Công Thương, 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Chuyên viên phụ trách: Bùi Anh Dũng.

Email: dungban@moit.gov.vn; nganha@moit.gov.vn

Phi-líp-pin áp thuế chống bán phá giá đối với tấm thạch cao nhập khẩu từ Thái Lan

Phi-líp-pin đã áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tấm thạch cao nhập khẩu từ Thái Lan trong thời hạn 5 năm, sau khi chính phủ Phi-líp-pin xác nhận các sản phẩm này đang bị bán phá giá trên thị trường nội địa với mức giá thấp không công bằng.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, Bộ Thương mại và Công nghiệp Phi-líp-pin (DTI) đã ban hành quyết định dựa trên kết luận của Ủy ban Thuế quan (TC) cho thấy các nhà xuất khẩu Thái Lan đã bán tấm thạch cao tại thị trường Phi-líp-pin thấp hơn giá trị thông thường, gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

Theo thông báo, các loại tấm thạch cao được phân loại theo Danh mục Biểu thuế Hải hòa ASEAN năm 2022 (AHTN 2022) bao gồm mã 6809.11.00 sẽ phải chịu thuế chống bán phá giá mức 8,52% đối với công ty Gypman Tech Co. Ltd., và 9,18% đối với công ty Thai Gypsum Products Public Co. Ltd. cũng như tất cả các nhà xuất khẩu Thái Lan khác.

Vụ việc bắt nguồn từ khiếu nại của Knauf Gypsum Philippines Inc.—doanh nghiệp duy nhất sản xuất tấm thạch cao tiêu chuẩn

tại Phi-líp-pin—cho rằng các tấm thạch cao nhập khẩu từ Thái Lan được bán phá giá, gây xáo trộn thị trường.

Bà Maria Cristina Aldeguer-Roque - Bộ trưởng Bộ Thương mại và Công nghiệp Phi-líp-pin cho biết 71% lượng tấm thạch cao tiêu chuẩn nhập khẩu từ Thái Lan trong giai đoạn từ năm 2019 đến tháng 9/2024 bị xác định là bán phá giá—một tỷ lệ được chính phủ đánh giá là “không thể bỏ qua”. Các sản phẩm nhập khẩu này chiếm gần 30% tổng mức tiêu thụ trong nước hàng năm, thậm chí đạt đỉnh gần 40% trong thời kỳ điều tra. Bà Roque nhấn mạnh việc nhập khẩu tấm thạch cao bị bán phá giá đã làm giá bán tấm thạch cao nội địa giảm mạnh. Điều này gây ra giá trung bình của ngành sản xuất nội địa thấp hơn chi phí trung bình để sản xuất và bán sản phẩm nhằm duy trì cạnh tranh và giữ thị phần.”

Bà cũng thừa nhận rằng dù có thể có những yếu tố khác ảnh hưởng đến thị trường, chính phủ kết luận rằng “tấm thạch cao tiêu chuẩn bị bán phá giá từ Thái Lan đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.”

Bộ Thương mại và Công nghiệp đã nhận được báo cáo cuối cùng từ Ủy ban Thuế

quan vào ngày 30/5/2025. Thời kỳ điều tra bán phá giá tập trung vào giai đoạn từ tháng 1/2022 đến tháng 5/2023, trong khi thời kỳ điều tra thiệt hại tập trung từ năm 2019 đến năm 2023, và cập nhật đến tháng 9/2024.

Các mức thuế chống bán phá giá được kỳ vọng sẽ mang lại sự hỗ trợ tạm thời cho Knauf Gypsum Philippines, giúp doanh nghiệp này cạnh tranh công bằng hơn và ổn định sản xuất cũng như giá cả trong ngành vật liệu xây dựng tại thị trường nội địa.

Tổng hợp từ Bilyonaryo(bilyonaryo.com)

Thổ Nhĩ Kỳ áp thuế chống bán phá giá đối với ống hàn thép không gỉ nhập khẩu từ Trung Quốc và Đài Loan (Trung Quốc)

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và cạnh tranh khốc liệt trên thị trường vật liệu xây dựng, nhiều quốc gia đang tăng cường các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ ngành công nghiệp trong nước. Mới đây, Thổ Nhĩ Kỳ quyết định gia hạn áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm ống hàn thép không gỉ nhập khẩu từ Trung Quốc và Đài Loan thêm 5 năm nữa.

Quyết định được đưa ra sau quá trình rà soát cuối kỳ do Bộ Thương mại Thổ Nhĩ Kỳ khởi xướng vào tháng 12 năm 2023 theo đề xuất của công ty trong nước Marcegaglia TR Paslanmaz Çelik Sanayi ve Ticaret A.Ş.. Đây là thủ tục thông lệ nhằm đánh giá xem liệu việc bãi bỏ các biện pháp chống bán phá giá hiện hành có thể dẫn đến việc tiếp tục hoặc tái diễn hành vi bán phá giá và gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa hay không.

Theo kết quả điều tra công bố ngày 23/6/2025, cơ quan chức năng nhận thấy rằng nếu các biện pháp này bị dỡ bỏ, khả năng rất cao là hành vi bán phá giá sẽ tiếp diễn, dẫn đến nguy cơ thiệt hại đáng kể cho ngành công nghiệp thép không gỉ của Thổ Nhĩ Kỳ. Do đó, nước này tiếp tục áp thuế với mức cụ thể như sau:

- Các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc chịu thuế từ 13,82% đến 20,50%;
- Các sản phẩm nhập khẩu từ Đài Loan (Trung Quốc) chịu thuế từ 7,98% đến 11,50%.

Các sản phẩm bị áp thuế được phân loại theo mã HS: 7306.40.20.90.00, 7306.40.80.90.00, và 7306.61.10.00.00.

Trong bối cảnh giá thép và nguyên vật liệu đang biến động toàn cầu, đặc biệt do ảnh hưởng từ xung đột địa chính trị và bất ổn chuỗi cung ứng, những biện pháp như thế này mang tính chiến lược quan trọng, giúp các doanh nghiệp nội địa có thời gian tái cấu trúc, nâng cao năng lực cạnh tranh và giảm phụ thuộc vào hàng nhập khẩu giá rẻ.

Tổng hợp từ Yieh (yieh.com)



Ấn Độ áp thuế chống bán phá giá đối với bốn hóa chất nhập khẩu từ Trung Quốc

Trong thông báo mới nhất từ Hội đồng Thuế gián thu và Hải quan Trung ương (CBIC) thuộc Bộ Tài chính Ấn Độ, các loại hóa chất bị áp thuế gồm:

- PEDA (Phenyl Ethyl DiAmine) – sử dụng trong sản xuất thuốc diệt cỏ;
- Acetonitrile – một dung môi quan trọng trong ngành dược phẩm;
- Vitamin-A Palmitate – nguyên liệu cho dược phẩm và thực phẩm chức năng;
- Insoluble Sulphur – dùng trong ngành sản xuất lốp xe.

Mức thuế chống bán phá giá này sẽ được áp dụng trong 5 năm, dựa trên các khuyến nghị từ Tổng cục Phòng vệ Thương mại (DGTR) – cơ quan điều tra và đề xuất các biện pháp phòng vệ theo luật thương mại quốc tế.

Cuộc điều tra được khởi xướng trong bối cảnh thâm hụt thương mại của Ấn Độ với Trung Quốc đạt mức kỷ lục 99,2 tỷ USD trong năm tài chính 2024–2025. Trong khi đó, xuất khẩu

của Ấn Độ sang Trung Quốc giảm 14,5%, chỉ đạt 14,25 tỷ USD, còn nhập khẩu từ Trung Quốc lại tăng hơn 11% lên tới 113,45 tỷ USD.

Các mức thuế chính thức như sau:

PEDA: từ 1.305,6 đến 2.017,9 USD/tấn

Acetonitrile: 481 USD/tấn, áp dụng cho các sản phẩm nhập khẩu từ Nga và Đài Loan (Trung Quốc);

Vitamin-A Palmitate: 20,87 USD/kg, bao gồm các sản phẩm nhập khẩu từ EU và Thụy Sĩ;

Insoluble Sulphur: 358 USD/tấn, với các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc và Nhật Bản.

Các cuộc điều tra cho thấy các sản phẩm này được nhập khẩu với giá thấp hơn giá trị hợp lý, làm suy yếu khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, buộc họ phải bán dưới giá thành để duy trì thị phần.

Ngành hóa chất là một trong những lĩnh vực sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại nhiều nhất tại Ấn Độ trong những năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu là do giá thành các sản phẩm hóa chất nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, EU và một số quốc gia khác thường thấp hơn đáng kể so với giá trong nước, gây ra sự cạnh tranh không lành mạnh và đe dọa nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp Ấn Độ trong các lĩnh vực có liên quan như dược phẩm, phân bón, cao su và nhựa. Trước đó, trong giai đoạn 2023–2024, nước này cũng đã áp thuế với nhiều mặt hàng hóa chất khác như axit phosphoric, nhựa PVC, methanol và hydrogen peroxide. Các quốc gia và vùng lãnh thổ thường xuyên là đối tượng điều tra bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, EU, Nhật Bản và Đài Loan (Trung Quốc) – những nơi có năng lực sản xuất lớn và thường xuất khẩu hóa chất với mức giá cạnh tranh mạnh vào thị trường Ấn Độ.

Tổng hợp từ The Economic Times (economictimes.indiatimes.com)



Úc hoãn quyết định chống bán phá giá đối với thép thanh cốt bê tông từ Tây Ban Nha và Hàn Quốc

Ngày 18/6/2025, Ủy ban Chống bán phá giá Úc (ADC) thuộc Bộ Công nghiệp, Khoa học và Tài nguyên Úc thông báo tạm hoãn công bố bản Tóm tắt các Sự kiện Thiết yếu (Statement of Essential Facts - SEF) và báo cáo cùng khuyến nghị cuối cùng trong cuộc điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng thép thanh cốt bê tông nhập khẩu từ Tây Ban Nha (trừ công ty Nervacero, S.A.) và Hàn Quốc. Đây là một bước đi được cho là thận trọng, nhằm đảm bảo tính chính xác và toàn diện trong quá trình đánh giá dữ liệu và các chứng cứ liên quan.

Trước đó, cuộc rà soát chống bán phá giá lần thứ hai đối với sản phẩm này đã được khởi xướng vào ngày 9/12/2024 theo đơn kiến nghị của công ty InfraBuild (Newcastle) Pty Ltd – một trong những nhà sản xuất thép lớn tại Úc.

Trong thông báo mới, Ủy ban cho biết sẽ lùi thời điểm ban hành SEF sang ngày 6/8/2025, và dự kiến trình báo cáo cuối cùng kèm khuyến nghị áp thuế (nếu có) lên Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Khoa học muộn nhất vào ngày 9/10/2025.

Các sản phẩm bị điều tra được phân loại theo các mã HS 7213.10.00.42, 7214.20.00.47, 7227.90.10.69, 7227.90.90.01, 7227.90.90.02, 7227.90.90.04, 7228.30.10.70, 7228.30.90.40, và 7228.60.10.72. Đây đều là các sản phẩm thép cuộn, thanh thép hợp kim và không hợp kim, thường được sử dụng rộng rãi trong ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Thời kỳ điều tra bán phá giá từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/09/2024, trong khi thời kỳ xem xét thiệt hại bắt đầu từ ngày 01/10/2020 đến thời điểm hiện tại.

Tính đến giữa năm 2025, quan hệ thương mại giữa Úc và Trung Quốc đã có những bước chuyển biến tích cực sau giai đoạn căng thẳng kéo dài từ năm 2020 đến 2023. Mặc dù vẫn còn tồn tại những khác biệt chiến lược, hai nước đang từng bước phục hồi quan hệ kinh tế và nối lại đối thoại cấp cao. Căng thẳng bắt đầu khi Úc kêu gọi điều tra độc lập về nguồn gốc đại dịch Covid-19, khiến Trung Quốc phản ứng bằng cách áp đặt hàng loạt biện pháp hạn chế thương mại không chính thức đối với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Úc như than đá, lúa mạch,

thịt bò, rượu vang và bông. Tổng giá trị hàng hóa bị ảnh hưởng ước tính lên tới 25 tỷ USD, tương đương khoảng 1,3% GDP của Úc.

Tuy nhiên, từ cuối năm 2023, quan hệ hai nước bắt đầu "tan băng" khi Thủ tướng Úc Anthony Albanese có chuyến thăm chính thức Trung Quốc – chuyến thăm đầu tiên của một lãnh đạo Úc sau 7 năm. Trung Quốc sau đó đã dỡ bỏ một số lệnh cấm nhập khẩu, trong đó có rượu vang và than đá, giúp khôi phục một phần dòng chảy thương mại song phương.

Dù vậy, Trung Quốc vẫn đang tìm cách giảm phụ thuộc vào quặng sắt của Úc – mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của nước này – bằng cách mở rộng nguồn cung từ các quốc gia khác như Bra-xin. Tuy nhiên, do hạn chế sản xuất tại các mỏ ở Mỹ Latinh, Trung Quốc vẫn tiếp tục nhập khẩu khối lượng lớn quặng sắt từ Úc để phục vụ nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng.

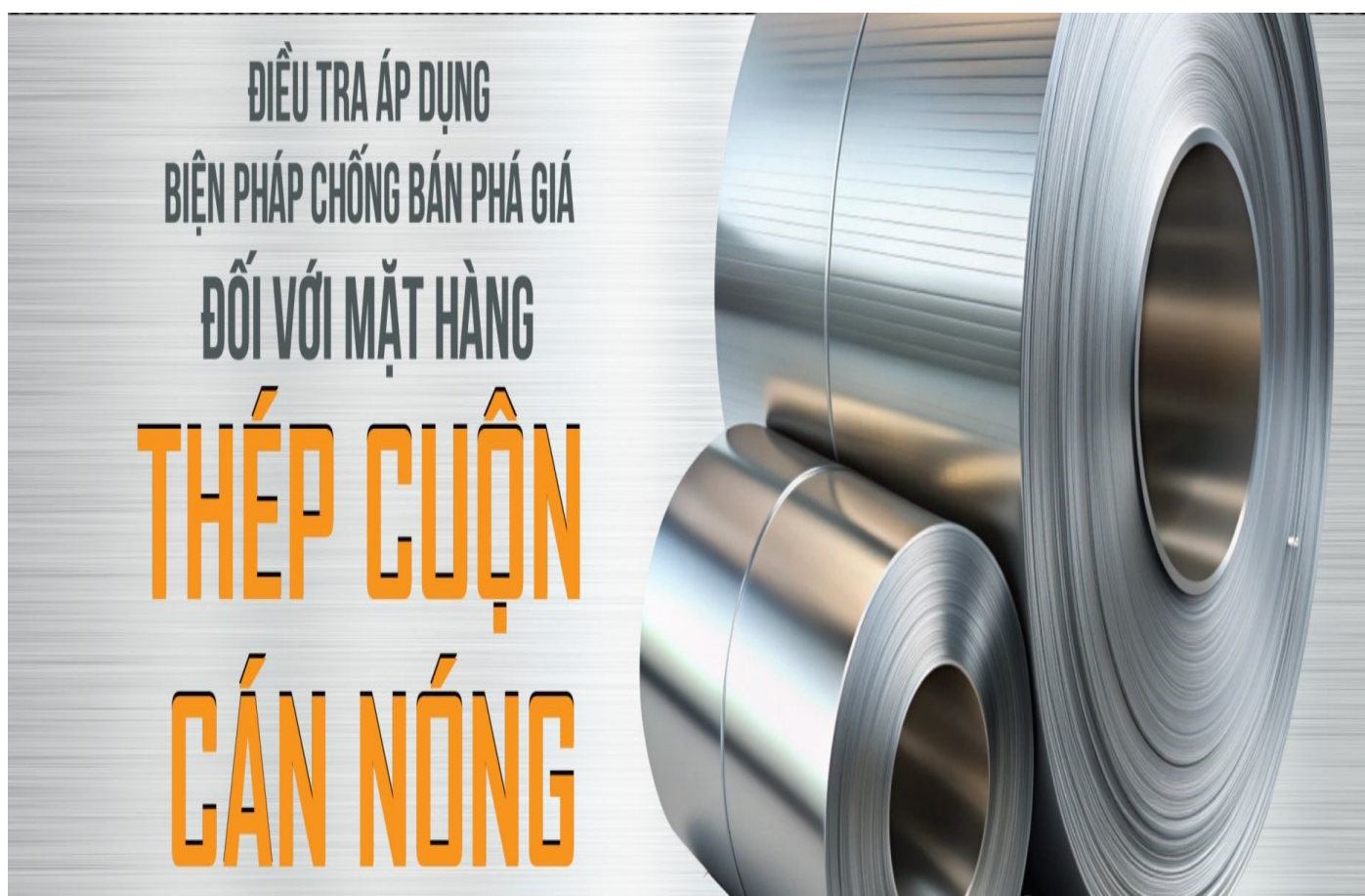
Tổng hợp từ Yieh (yieh.com)

Ảnh hưởng của các biện pháp chống bán phá giá tới thép cuộn cán nóng xuất khẩu của Trung Quốc

Theo số liệu mới công bố từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2025, xuất khẩu thép của nước này tăng 8,9% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 48,5 triệu tấn. Tuy nhiên, xuất khẩu thép cuộn cán nóng (HRC) – vốn là một trong những nhóm sản phẩm chủ lực – lại giảm mạnh tới 22,1% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ các biện pháp chống bán phá giá ngày càng gay gắt từ các thị trường xuất khẩu lớn và lượng xuất khẩu rất cao của năm ngoái.

Mặc dù tổng lượng thép xuất khẩu ghi nhận đã tăng, nhưng phân tích chi tiết cho thấy nhiều nhóm sản phẩm thép tấm và thép lá đang ghi nhận sự sụt giảm đáng kể. Đặc biệt, xuất khẩu HRC giảm sâu vượt xa các nhóm khác, trong khi thép cán nguội giảm 5,3%. Một số sản phẩm khác như thép phủ, thép mạ, thép dải, và thép tấm dày chứng kiến mức tăng nhẹ, phần nào bù đắp sự suy giảm của nhóm thép phổ thông.

Về cơ cấu xuất khẩu, Trung Quốc đang có sự điều chỉnh rõ rệt. Trong 5 tháng đầu năm, tỷ trọng xuất khẩu của HRC giảm từ 40% xuống còn 31%, và thép cán nguội giảm từ 10% xuống 9%. Ngược lại, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn đang chiếm tỷ trọng lớn



hơn: thép mạ tăng từ 25% lên 28%, thép phủ tăng từ 9% lên 13%, và thép tấm dày tăng từ 13% lên 15%.

Ở chiều nhập khẩu, Trung Quốc nhập tổng cộng 2,553 triệu tấn thép trong 5 tháng, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, riêng nhóm thép tấm/lá ghi nhận mức giảm tới 16,8%, với các sản phẩm như thép mạ phủ và HRC giảm lần lượt 38,3% và 22,5%.

Sự dịch chuyển trong xuất khẩu và nhập khẩu phản ánh rõ chiến lược của Trung Quốc trong bối cảnh bị siết chặt bởi hàng loạt biện pháp phòng vệ thương mại từ các nước. Các thị trường như Hoa Kỳ, EU, Ấn Độ và Đông Nam Á đang tăng cường áp dụng thuế chống bán phá giá đối với thép Trung Quốc – đặc biệt là HRC – khiến các doanh nghiệp xuất khẩu nước này buộc phải đa dạng hóa sản phẩm và nâng cấp công nghệ để duy trì thị phần toàn cầu.

Việc chuyển dịch sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao cho thấy nỗ lực của Trung Quốc trong việc tái cấu trúc ngành công nghiệp thép, giảm phụ thuộc vào thép giá rẻ truyền thống, đồng thời hạn chế rủi ro pháp lý từ các vụ kiện thương mại.

Tổng hợp từ Chosun Biz (biz.chosun.com)

Tình hình xuất khẩu mặt hàng thép mạ kẽm vào thị trường Úc

1. Mô tả mặt hàng thép mạ kẽm

Thép mạ kẽm là một trong những sản phẩm thép được sử dụng phổ biến và rộng rãi nhất hiện nay nhờ vào đặc tính vượt trội về khả năng chống ăn mòn, độ bền cơ học cao và tuổi thọ lâu dài. Đây là loại thép được phủ một lớp kẽm mỏng lên bề mặt nhằm ngăn ngừa sự oxy hóa, bảo vệ lõi thép bên trong không bị tác động bởi các yếu tố môi trường như độ ẩm, mưa, muối biển, hóa chất công nghiệp hay các tác nhân ăn mòn tự nhiên khác. Có hai phương pháp mạ kẽm chính được áp dụng trong công nghiệp là mạ kẽm nhúng nóng (hot-dip galvanizing) và mạ kẽm điện phân (electro-galvanizing). Trong đó, mạ nhúng nóng là phương pháp phổ biến hơn vì lớp kẽm dày và độ bám dính cao, phù hợp với các sản phẩm chịu lực và yêu cầu sử dụng ngoài trời; trong khi mạ kẽm điện phân tạo ra lớp kẽm mỏng hơn nhưng có độ sáng bóng cao, thích hợp cho các ứng dụng yêu cầu tính thẩm mỹ.

Thép mạ kẽm có thể được sản xuất dưới nhiều hình thức như cuộn (galvanized coil), tấm phẳng (galvanized sheet), tôn sóng, ống thép mạ kẽm hoặc các sản phẩm định hình khác. Độ dày lớp mạ và độ dày thép nền cũng rất đa dạng, thường dao động từ

0,2mm đến trên 3mm, tùy theo nhu cầu sử dụng. Bề mặt của thép mạ kẽm có thể được xử lý thêm bằng cách phủ dầu, sơn hoặc mạ màu để tăng khả năng chống ăn mòn hoặc tạo vẻ ngoài hấp dẫn hơn.

Sản phẩm thép mạ kẽm được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong xây dựng, nó được dùng làm mái nhà, xà gồ, khung kèo, hệ thống máng xối, vách ngăn, tường bao và các cấu kiện khác của nhà xưởng, nhà tiền chế và công trình dân dụng. Trong ngành cơ khí và sản xuất công nghiệp, thép mạ kẽm được sử dụng để chế tạo khung thiết bị, linh kiện máy móc, vỏ tủ điện, cột đèn, hàng rào, hệ thống ống dẫn. Trong ngành giao thông và vận tải, sản phẩm này có mặt trong chế tạo khung xe, thùng xe, biển báo giao thông, lan can đường cao tốc. Ngoài ra, thép mạ kẽm còn được ứng dụng trong ngành sản xuất đồ gia dụng như máy giặt, tủ lạnh, máy lạnh, hoặc thậm chí trong ngành nội thất như sản xuất bàn ghế, kệ, giường kim loại.

Với tính chất cơ học ổn định, khả năng chịu lực và chịu nhiệt tốt, dễ gia công, cắt, uốn và hàn, thép mạ kẽm không chỉ giúp nâng cao tuổi thọ công trình mà còn góp phần giảm chi phí bảo trì và thay thế. Bên cạnh đó, quá trình tái chế và thân thiện với

môi trường cũng là một điểm cộng lớn, giúp sản phẩm này ngày càng được ưa chuộng trong xu hướng phát triển bền vững. Trong bối cảnh ngành công nghiệp xây dựng, cơ khí và sản xuất tại Việt Nam và trên thế giới đang phát triển mạnh mẽ, mặt hàng thép mạ kẽm tiếp tục giữ vai trò quan trọng, là vật liệu thiết yếu và không thể thiếu trong nhiều lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật hiện đại.

Quy trình sản xuất thép mạ kẽm

Quy trình sản xuất thép mạ kẽm là một chuỗi các công đoạn công nghiệp phức tạp, đòi hỏi kỹ thuật cao và kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt nhằm đảm bảo lớp phủ kẽm bám chắc, đồng đều và đạt hiệu quả bảo vệ tối ưu cho thép nền. Có hai phương pháp mạ kẽm chính hiện nay là mạ kẽm nhúng nóng (hot-dip galvanizing) và mạ kẽm điện phân (electro-galvanizing), trong đó phương pháp mạ nhúng nóng được sử dụng phổ biến hơn trong công nghiệp nhờ vào tính hiệu quả, độ dày lớp mạ cao và khả năng chống ăn mòn vượt trội.

Quy trình sản xuất thép mạ kẽm nhúng nóng thường bắt đầu bằng việc chuẩn bị thép nền, thường là thép cán nguội hoặc thép cán nóng được xử lý bề mặt để loại bỏ tạp chất, dầu mỡ và lớp oxit. Giai đoạn làm sạch này bao gồm tẩy dầu bằng dung dịch kiềm, rửa nước, tẩy gỉ bằng axit (thường là axit hydrochloric), và sau đó tiếp tục rửa sạch và sấy khô. Tiếp theo, thép sẽ được xử lý bằng

dung dịch trợ dung (flux) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho kẽm bám dính trong giai đoạn mạ. Sau đó, thép được nhúng vào bể kẽm nóng chảy ở nhiệt độ khoảng 450°C, nơi lớp kẽm sẽ phản ứng với bề mặt thép tạo thành hợp kim sắt-kẽm bền chắc. Khi được kéo ra khỏi bể, sản phẩm đi qua hệ thống làm nguội và làm phẳng, đồng thời có thể được làm sạch bề mặt, phủ dầu chống oxy hóa hoặc phủ crom hóa để tăng khả năng bảo vệ. Một số nhà máy còn có bước xử lý ép phẳng hoặc cán da (skin-pass) để cải thiện độ phẳng và độ bóng của sản phẩm, cũng như kiểm soát độ dày lớp mạ một cách chính xác hơn.

Trong khi đó, quy trình mạ kẽm điện phân sử dụng dòng điện để kết tủa ion kẽm từ dung dịch điện phân lên bề mặt thép. Quy trình này cũng bao gồm các bước làm sạch tương tự như phương pháp nhúng nóng, nhưng quá trình mạ diễn ra ở nhiệt độ thấp hơn và trong môi trường dung dịch có chứa muối kẽm. Lớp mạ tạo ra thường mỏng hơn và có độ bóng cao, thích hợp cho các ứng dụng yêu cầu thẩm mỹ hoặc độ chính xác bề mặt.

Sau khi hoàn tất quá trình mạ, sản phẩm thép mạ kẽm được kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt, bao gồm đo độ dày lớp mạ, kiểm tra độ bám dính, khả năng chống ăn mòn (bằng thử nghiệm phun muối - salt spray test), và kiểm tra bề mặt bằng mắt

thường hoặc thiết bị chuyên dụng. Sản phẩm sau cùng có thể được cuộn lại (đối với thép cuộn), cắt theo kích thước yêu cầu hoặc tạo hình để cung cấp cho các ngành sản xuất khác như xây dựng, cơ khí, ô tô, điện lạnh và gia dụng.

Toàn bộ quy trình này được tự động hóa cao trong các nhà máy hiện đại, giúp nâng cao năng suất, tiết kiệm nguyên liệu, giảm chi phí nhân công và bảo vệ môi trường. Đồng thời, các tiêu chuẩn quốc tế như ASTM, JIS, EN, hoặc ISO cũng được áp dụng chặt chẽ trong từng công đoạn để đảm bảo chất lượng ổn định và phù hợp với yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Nhờ vào quy trình sản xuất hiện đại và kiểm soát kỹ lưỡng, thép mạ kẽm hiện nay không chỉ đóng vai trò là vật liệu xây dựng thiết yếu mà còn là một mặt hàng xuất khẩu chiến lược của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Thị trường thép mạ kẽm của Úc và xu hướng

Thị trường thép mạ kẽm của Úc hiện nay đang phát triển theo hướng ổn định nhưng có chọn lọc, với sự gia tăng nhu cầu trong các lĩnh vực xây dựng dân dụng, cơ sở hạ tầng, giao thông và năng lượng tái tạo, đặc biệt là trong bối cảnh quốc gia này đang thúc đẩy các dự án phát triển bền vững và hiện đại hóa đô thị. Thép mạ kẽm – với đặc tính chống ăn mòn cao, tuổi thọ dài và khả

năng chịu đựng điều kiện thời tiết khắc nghiệt – là vật liệu lý tưởng cho các công trình ngoài trời tại Úc, nơi khí hậu trải dài từ cận nhiệt đới đến bán hoang mạc. Nhu cầu sử dụng thép mạ kẽm trong xây dựng nhà ở, nhà thép tiền chế, khung mái, hàng rào, đường ống dẫn, và các kết cấu kim loại khác đang ngày càng tăng, đặc biệt tại các bang phát triển mạnh như New South Wales, Victoria và Queensland.

Về nguồn cung, thị trường Úc hiện vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhập khẩu thép mạ kẽm từ các quốc gia châu Á, trong đó Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và Việt Nam là những nhà cung cấp chính. Tuy nhiên, Úc cũng có một số nhà sản xuất nội địa như BlueScope Steel – doanh nghiệp thép lớn của Úc – với các nhà máy sản xuất thép mạ đáp ứng một phần nhu cầu trong nước. Trong những năm gần đây, Chính phủ Úc có xu hướng ưu tiên phát triển sản xuất nội địa nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, đặc biệt là trong bối cảnh gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu do đại dịch COVID-19 và căng thẳng thương mại quốc tế. Các chính sách hỗ trợ ngành công nghiệp sản xuất thép nội địa, cùng với tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe và yêu cầu về chứng nhận chất lượng, đang tạo ra một môi trường cạnh tranh nhưng đầy tiềm năng cho các doanh nghiệp nước ngoài có năng lực cao và đáp ứng tốt yêu cầu thị trường Úc.

Về xu hướng, thị trường thép mạ kẽm tại Úc đang chứng kiến sự chuyển dịch đáng chú ý sang các sản phẩm thân thiện với môi trường và có vòng đời sử dụng dài. Người tiêu dùng và nhà đầu tư tại Úc ngày càng quan tâm đến yếu tố bền vững, đòi hỏi các sản phẩm thép không chỉ có hiệu suất kỹ thuật cao mà còn cần đạt được các tiêu chuẩn về môi trường như giảm phát thải carbon, sử dụng năng lượng tái tạo trong quá trình sản xuất, và khả năng tái chế sau khi sử dụng. Điều này tạo ra cơ hội cho các nhà xuất khẩu – bao gồm Việt Nam – nếu có thể chứng minh được năng lực sản xuất xanh, minh bạch về truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, và đáp ứng các chứng nhận môi trường quốc tế như ISO 14001 hay EPD (Environmental Product Declaration). Ngoài ra, xu hướng số hóa và ứng dụng công nghệ trong giám sát chất lượng, kiểm soát chuỗi cung ứng và tối ưu logistics cũng đang ngày càng được ưa chuộng trong ngành thép Úc.

Tuy nhiên, thị trường này cũng đặt ra không ít thách thức về mặt kỹ thuật và thương mại. Úc là quốc gia có hệ thống phòng vệ thương mại hoạt động hiệu quả và nghiêm ngặt, với các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và kiểm soát chất lượng được áp dụng thường xuyên để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Thép mạ kẽm từng là đối tượng của nhiều vụ kiện phòng vệ thương mại, đặc biệt đối với các sản phẩm

nhập khẩu có dấu hiệu trợ cấp hoặc định giá thấp hơn thị trường. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu vào Úc cần chủ động nắm bắt thông tin, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kỹ thuật và thương mại, cũng như duy trì chiến lược cạnh tranh dựa trên chất lượng và sự minh bạch trong giao thương.

Tóm lại, thị trường thép mạ kẽm của Úc là một thị trường tiềm năng nhưng đòi hỏi cao, với xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm bền vững, chất lượng cao và thân thiện môi trường. Các doanh nghiệp Việt Nam nếu muốn tiếp cận và mở rộng thị phần tại đây cần có chiến lược rõ ràng, nâng cao năng lực kỹ thuật, đảm bảo tuân thủ quy định phòng vệ thương mại, đồng thời đầu tư vào công nghệ sản xuất xanh và xây dựng thương hiệu uy tín tại thị trường này.

2. Tình hình nhập khẩu mặt hàng thép mạ kẽm từ các nguồn trên thế giới vào thị trường Úc

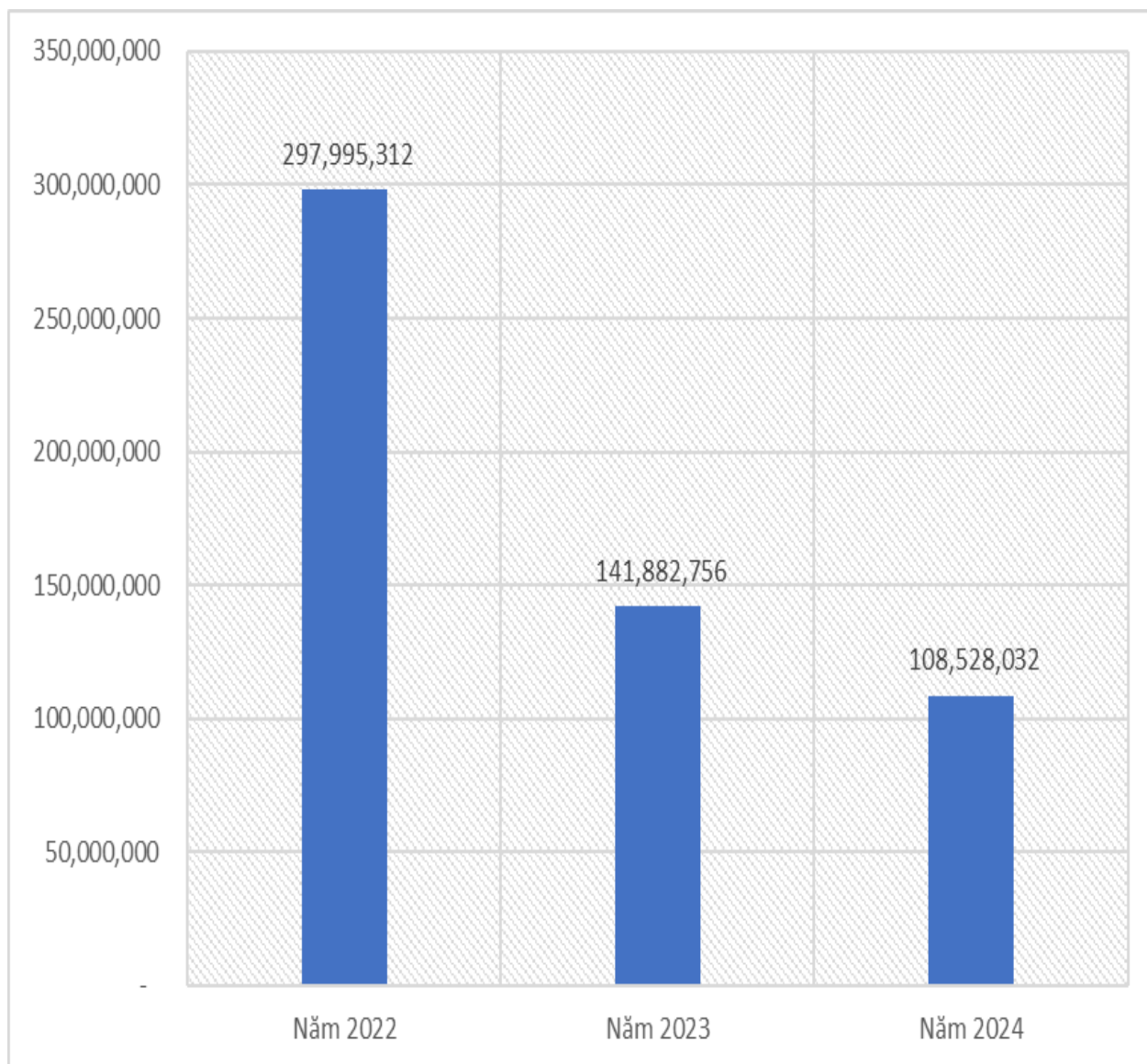
Trong những năm gần đây, tình hình nhập khẩu mặt hàng thép mạ kẽm vào thị trường Úc từ các nguồn trên thế giới cho thấy xu hướng tăng trưởng ổn định, phản ánh nhu cầu ngày càng cao đối với vật liệu xây dựng bền vững và có khả năng chống ăn mòn trong bối cảnh Úc đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng cơ sở, nhà ở, năng lượng tái tạo và các dự án công nghiệp. Úc là quốc gia có quy mô sản xuất thép nội địa tương đối nhỏ

so với nhu cầu tiêu thụ, do đó phần lớn thép mạ kẽm tiêu dùng trong nước được nhập khẩu từ các quốc gia châu Á. Trong số này, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc), Ấn Độ và Việt Nam là những nguồn cung chính, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng năm.

Năm 2022, tổng giá trị nhập khẩu thép mạ kẽm từ tất cả các thị trường trên thế giới vào Úc đạt 298 triệu USD. Sau đó, trong năm 2023, trị giá nhập khẩu mặt hàng này giảm 52,4% so với năm 2022 đạt 141,9 triệu USD. Trong năm 2024, trị giá nhập khẩu vào Úc tiếp tục giảm đạt 108,5 triệu USD.

Tổng giá trị nhập khẩu thép mạ kẽm sang thị trường Úc từ 2022 đến 2024

Đơn vị: USD



Nguồn: IHS Markit

Năm 2023, Trung Quốc dẫn đầu danh sách các quốc gia có trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm lớn nhất sang thị trường Úc, trị giá xuất khẩu của Trung Quốc đạt 5,9 triệu USD, chiếm 4,2% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. Thái Lan đứng thứ hai với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,4 triệu USD, chiếm 1% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. Niu Di-lân đứng thứ ba với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,2 triệu USD, chiếm 0,8% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. Thổ Nhĩ Kỳ, In-đô-nê-xi-a và Pa-ki-xtan lần lượt xếp vị trí thứ tư, thứ năm và thứ sáu trong số các quốc gia có trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm lớn nhất sang Úc với kim ngạch xuất khẩu lần lượt đạt 882,3 nghìn USD, 781,9 nghìn USD và 428,8 nghìn USD. Việt Nam xếp thứ mười hai với trị giá xuất khẩu đạt 88,1 nghìn USD.

Trong năm 2024, Trung Quốc tiếp tục là quốc gia có trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm lớn nhất sang thị trường Úc, đạt 7,4 triệu USD, chiếm 6,8% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. Thái Lan xếp vị trí thứ hai với trị giá xuất khẩu đạt 1,5 triệu USD, chiếm 1,4% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. Pa-ki-xtan xếp vị trí thứ ba với trị giá xuất khẩu đạt 1,2 triệu USD, chiếm 1,1% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. In-đô-nê-xi-a, Hoa Kỳ và Thổ Nhĩ Kỳ lần lượt xếp vị trí thứ tư, thứ năm và thứ sáu trong số các quốc gia có trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm lớn nhất sang Úc với kim ngạch xuất khẩu đạt 680,6 nghìn USD, 544,6 nghìn USD và 457,8 nghìn USD. Với trị giá xuất khẩu giảm 52,8%, Việt Nam xếp thứ mười bốn các nguồn cung ứng thép mạ kẽm sang thị trường Úc, đạt 41,6 nghìn USD.

Các nguồn cung ứng chính vào thị trường Úc năm 2023 và 2024

Đơn vị: USD

Nguồn cung ứng vào Úc	Trị giá NK năm 2023	Trị giá NK năm 2024	2023 so với 2024	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Trung Quốc	5.892.041	7.388.089	25,4%	4,2%	6,8%
Thái Lan	1.392.042	1.482.963	6,5%	1,0%	1,4%
Pa-ki-xtan	428.847	1.154.396	169,2%	0,3%	1,1%
In-đô-nê-xi-a	781.893	680.589	-13,0%	0,6%	0,6%
Hoa Kỳ	101.534	544.553	436,3%	0,1%	0,5%
Thổ Nhĩ Kỳ	882.269	457.821	-48,1%	0,6%	0,4%
Niu Di-lân	1.182.786	392.780	-66,8%	0,8%	0,4%
Nhật Bản	161.970	360.581	122,6%	0,1%	0,3%
Bỉ	164.003	154.909	-5,5%	0,1%	0,1%
Vương quốc Anh	94.066	122.380	30,1%	0,1%	0,1%
Đức	84.302	109.996	30,5%	0,1%	0,1%
Ai Cập		78.444	N/A	0,0%	0,1%
I-ta-li-a	34.824	53.616	54,0%	0,0%	0,0%
Việt Nam	88.146	41.621	-52,8%	0,1%	0,0%

Nguồn: IHS Markit

Trong 4 tháng đầu năm 2025, tổng kim ngạch nhập khẩu thép mạ kẽm của Úc giảm nhẹ 1,8% so với cùng kỳ năm trước đó, đạt 37,2 triệu USD. Trung Quốc tiếp tục là quốc gia có trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm lớn nhất sang thị trường Úc trong 4 tháng đầu năm 2025, đạt 704,7 nghìn USD. Phần Lan xếp thứ hai trong số các nguồn cung ứng lớn thép mạ kẽm sang

thị trường Úc với kim ngạch xuất khẩu đạt 267,2 nghìn USD. Thái Lan xếp thứ ba với kim ngạch xuất khẩu đạt 160,7 nghìn USD. Niu Di-lân, In-đô-nê-xi-a và Đức lần lượt đứng vị trí thứ tư, thứ năm và thứ sáu các nguồn cung ứng lớn với kim ngạch xuất khẩu đạt 52,4 nghìn USD, 47,8 nghìn USD và 44 nghìn USD. Trong 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng 619% so với cùng kỳ năm trước đó, đạt 8,2 nghìn USD, đứng thứ 10 các nguồn cung ứng lớn thép mạ kẽm sang thị trường Úc.

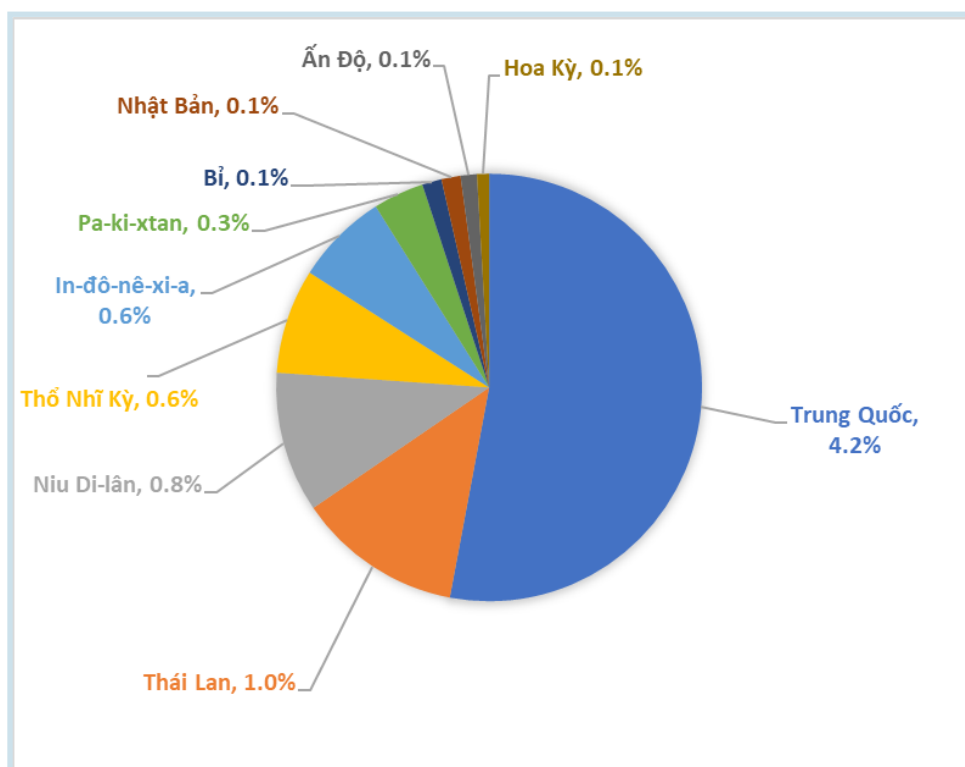
Các nguồn cung ứng chính vào thị trường Úc 4T/2024 và 4T/2025

Đơn vị: USD

Nguồn cung ứng vào Úc	Trị giá NK 4T/2024	Trị giá NK 4T/2025	4T/2025 so với 4T/2024
Trung Quốc	2.884.430	704.720	-75,6%
Phần Lan	13.601	267.153	1864,2%
Thái Lan	671.698	160.729	-76,1%
Niu Di-lân	350.145	52.412	-85,0%
In-đô-nê-xi-a	288.945	47.840	-83,4%
Đức		44.079	N/A
Bỉ	47.612	18.435	-61,3%
Nhật Bản		17.100	N/A
Thổ Nhĩ Kỳ	192.568	13.192	-93,1%
Việt Nam	1.146	8.239	619,0%

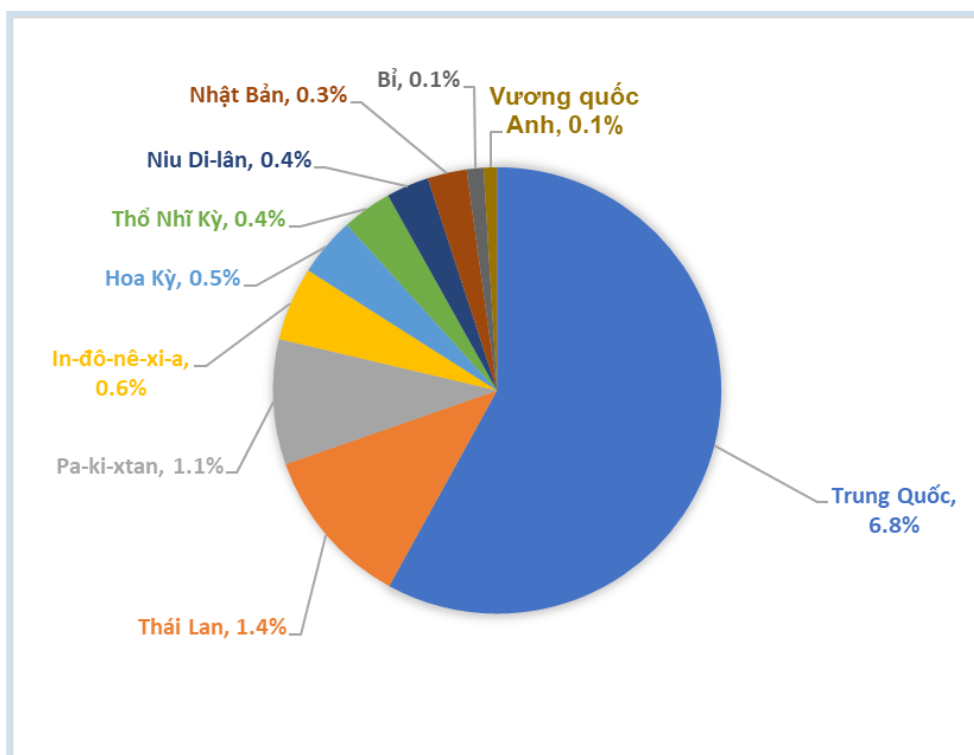
Nguồn: IHS Markit

Tỷ trọng các nguồn cung ứng chính nhập khẩu vào Úc năm 2023



Nguồn: IHS Markit

Tỷ trọng các nguồn cung ứng chính nhập khẩu vào Úc năm 2024



Nguồn: IHS Markit

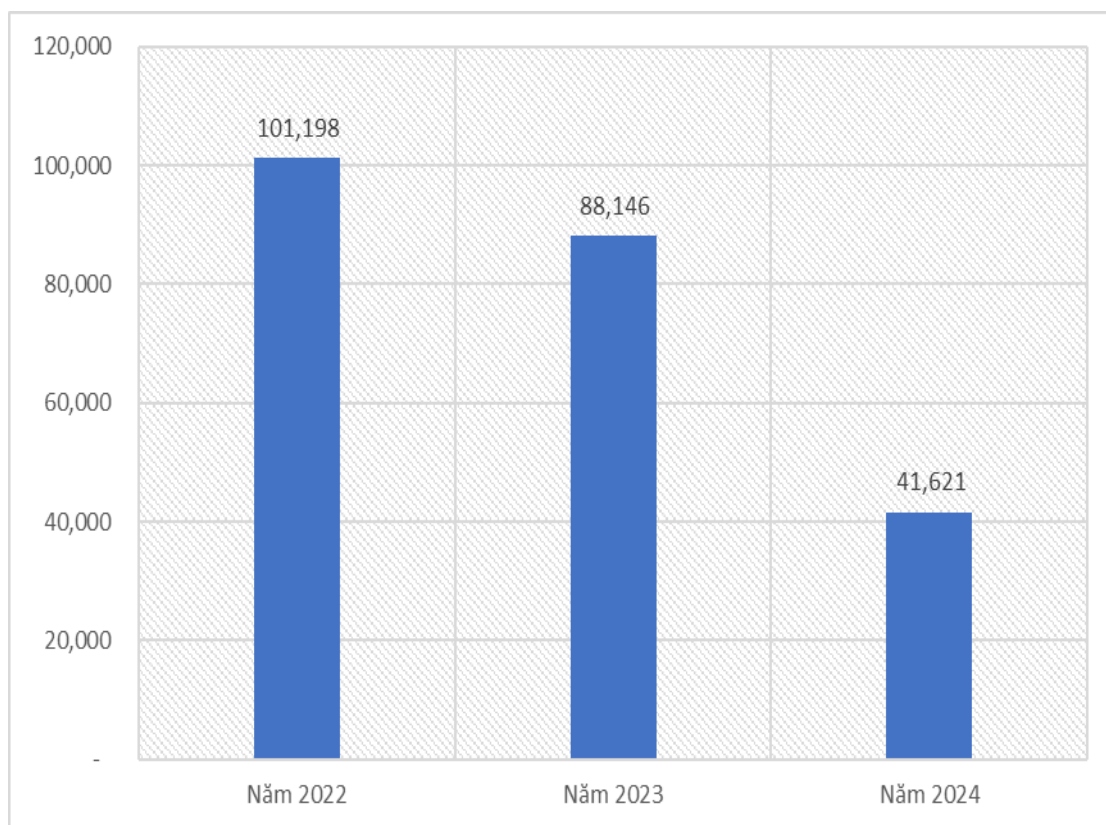
2. Tình hình nhập khẩu thép mạ kẽm vào Úc từ Việt Nam

Năm 2022, trị giá xuất khẩu mặt hàng thép mạ kẽm của Việt Nam sang thị trường Úc đạt 101,2 nghìn USD, chiếm 0,03% trong tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. Năm 2023, trị giá xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam có sự sụt giảm so với năm trước đó đạt 88,1 nghìn USD, chiếm 0,06% tổng kim ngạch nhập khẩu sản phẩm cùng loại của Úc. Sang năm 2024, tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng thép mạ kẽm của Việt Nam tiếp tục giảm đạt 41,6 nghìn USD, chiếm 0,04% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng cùng loại của Úc.

Nhìn chung, giai đoạn 2022–2024 xuất khẩu thép mạ kẽm giữa Việt Nam và Úc chưa đáng kể.

Tổng trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm của Việt Nam vào Úc từ năm 2022 đến 2024

Đơn vị: USD

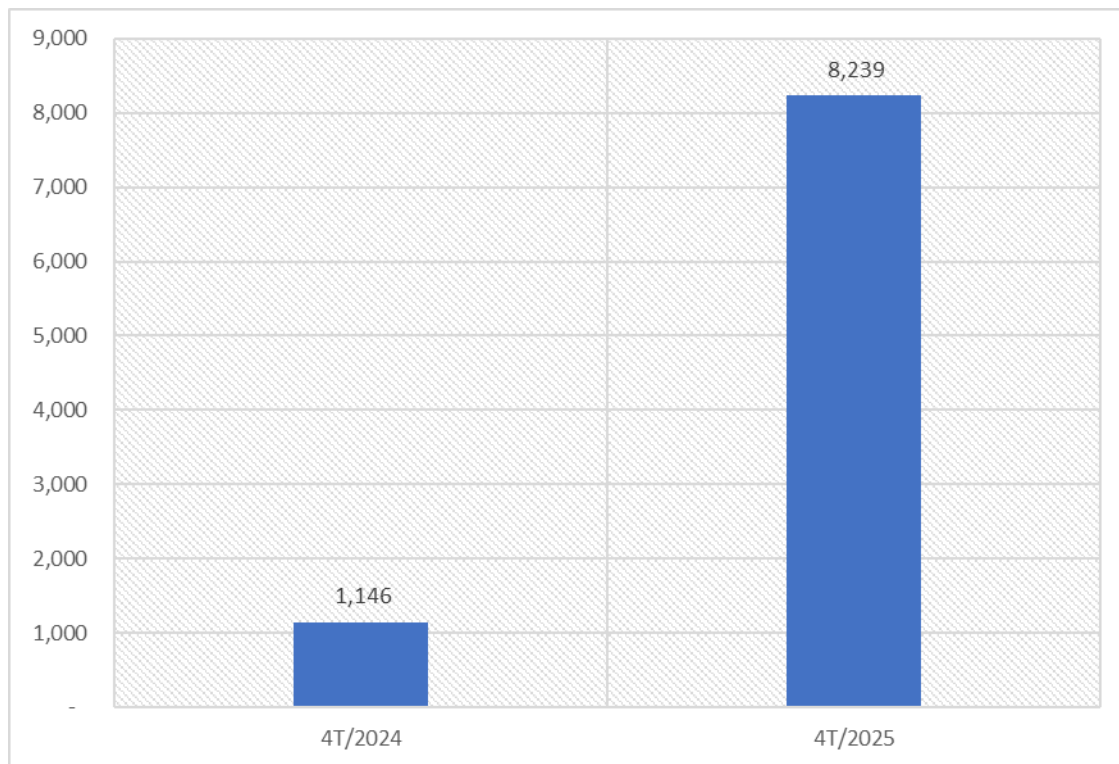


Nguồn: IHS Markit

Trong bốn tháng đầu năm 2025, trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm của Việt Nam tăng so với cùng kỳ năm 2024 nhưng chỉ đạt 8,2 nghìn USD.

Trị giá xuất khẩu thép mạ kẽm của Việt Nam sang Úc trong 4T/2024 và 4T/2025

Đơn vị: USD



Nguồn: IHS Markit

3. Cảnh báo và khuyến nghị

Trong bối cảnh kim ngạch xuất khẩu thép mạ kẽm của Việt Nam sang thị trường Úc liên tục tăng trong giai đoạn gần đây, nguy cơ bị điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp hoặc chống lẩn tránh thuế có thể xảy ra. Úc là quốc gia có hệ thống phòng vệ thương mại chặt chẽ và thường xuyên sử dụng công cụ này để bảo vệ ngành sản xuất trong nước, đặc biệt đối với các mặt hàng như thép – vốn có tính cạnh tranh cao và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động giá trên thị trường quốc tế.

Các doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt lưu ý đến việc giữ ổn định giá xuất khẩu, tránh tình trạng bán phá giá kéo dài hoặc tăng đột biến sản lượng xuất khẩu trong thời gian ngắn, vì đây là các dấu hiệu dễ dẫn đến nghi ngờ từ phía nhà sản xuất Úc. Đồng thời, cần xây dựng hệ thống hồ sơ, chứng từ rõ ràng, minh bạch về giá thành sản xuất, nguồn nguyên liệu đầu vào và các khoản hỗ trợ (nếu có) từ Nhà nước, để sẵn sàng cung cấp khi bị yêu cầu điều tra. Việc tuân thủ các quy tắc xuất xứ, quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng của Úc

cũng cần được đảm bảo tuyệt đối nhằm hạn chế các rủi ro liên quan đến phòng vệ thương mại và tránh bị cáo buộc gian lận thương mại hoặc lẩn tránh thuế.

Ngoài ra, các doanh nghiệp nên thường xuyên cập nhật thông tin từ Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương, Thương vụ Việt Nam tại Úc và các hiệp hội ngành hàng để nắm bắt sớm các tín hiệu điều tra hoặc thay đổi chính sách thương mại từ phía Úc. Tăng cường hợp tác với các đối tác nhập khẩu tại Úc, đa dạng hóa sản phẩm và thị trường, cũng là chiến lược quan trọng nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào một thị trường đơn lẻ, từ đó giảm thiểu rủi ro bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.



BỘ CÔNG THƯƠNG CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Thực hiện bởi

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

Địa chỉ: Số 23 Ngô Quyền,

Hoàn Kiếm, Hà Nội

E-mail: ciew@moit.gov.vn

Website: www.trav.gov.vn

Chịu trách nhiệm nội dung

Đỗ Thị Sa

Phó Giám đốc Trung tâm

Nhóm Thực hiện: CIEW

Thiết kế: Nguyễn Mạnh Hùng

Bản quyền của TRAV

